

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/DS-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán theo hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân
2. Ông Đỗ Thanh Đình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, Số 9, đường Đ, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Lô Bằng G; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, Số 9, đường Đ, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty T).

- Bà Phạm Thị Mỹ H1; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, Số 9, đường Đ, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13-6-2018 (Trưởng nhóm tố tụng – Phòng thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ - Công ty T).

- Anh Lê Văn H2, anh Hồ Văn H3; cùng địa chỉ: Số 24 đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; là người được ủy quyền lại theo văn bản ủy quyền số 3728/UQTA-VH.18 ngày 31-7-2018).

2. Bị đơn: Anh Lê Trần H; địa chỉ: Tổ 22, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh H3 có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-7-2018, các văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty T trình bày:

Ngày 12-11-2016 anh Lê Trần H có ký hợp đồng tín dụng số 20161114-0000510 với Công ty T để vay số tiền 31.650.000đồng, với lãi suất thỏa thuận là 3,33%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng anh Lê Trần H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền 40.728.200đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 15 tháng; 14 tháng đầu mỗi tháng trả 2.716.000đồng, tháng cuối trả 2.704.200đồng. Bắt đầu trả từ ngày 15-12-2016.

Thực hiện hợp đồng thì anh Lê Trần H đã nhận đủ số tiền nêu trên để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Công ty T được 01 lần với số tiền 10.000.000đồng vào ngày 11-7-2018. Sau đó, anh H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào, mặc dù Công ty T đã nhắc nhở nhiều lần. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H phải thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ là 30.728.200đồng, trong đó: Nợ gốc là: 21.650.000đồng, nợ lãi là 9.078.200đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty T trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh H đã trả tiếp cho Công ty T 03 lần với tổng số tiền là 7.000.000đồng, trong đó: Tiền gốc là 2.000.000đồng, tiền lãi là 5.000.000đồng. Vì vậy, Công ty T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Trần H phải trả cho Công ty T tổng số tiền là 23.728.200đồng, trong đó: Nợ gốc là: 19.650.000đồng, nợ lãi là 4.078.200đồng. Ngoài khoản tiền nêu trên thì Công ty T không yêu cầu anh Lê Trần H phải trả thêm khoản tiền nào khác.

Đối với lãi suất khi yêu cầu thi hành án, Công ty T yêu cầu áp dụng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Trần H nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc anh Lê Trần H có trách nhiệm trả cho Công ty T tổng số tiền là 23.728.200đồng, trong đó: Nợ gốc là 19.650.000đồng, nợ lãi là 4.078.000đồng. Về án phí: Bị đơn anh Lê Trần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí mà Công ty T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Công ty T thì anh Lê Trần H đang cư trú tại tổ 22, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì anh H đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Công ty T biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Trần H phải trả cho Công ty T tổng số tiền là 23.728.200đồng, trong đó: Nợ gốc là: 19.650.000đồng, nợ lãi là 4.078.200đồng. bị đơn anh Lê Trần H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 12-11-2016, anh Lê Trần H có ký kết với Công ty T hợp đồng tín dụng số 20161114-0000510 để vay số tiền là 31.650.000đồng, với lãi suất 3,33%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh Lê Trần H có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.728.200đồng (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 15 tháng; 14 tháng đầu mỗi tháng trả 2.716.000đồng, tháng cuối trả 2.704.200đồng. Bắt đầu trả từ ngày 15-12-2016.

[2.2] Tại phần II mục B của hợp đồng tín dụng số 20161114-0000510 ngày 12-11-2016, bên vay là anh Lê Trần H đề nghị Công ty T giải ngân cho bên vay thông qua bưu cục của VIETNAM POST. Tại Công văn số 3641/BĐVN-TTĐS ngày 20-8-2018, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam xác nhận đã thực hiện giải ngân cho anh Lê Trần H nhận đủ số tiền vay qua mạng lưới các bưu cục của VNPOST. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay thì anh H chỉ mới thanh toán cho Công ty T được 01 lần với số tiền gốc là 10.000.000đồng, sau đó không thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu anh H thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh H tiếp tục trả cho Công ty T 03 lần với tổng số tiền là 7.000.000đồng, cụ thể: ngày 20-8-2018 trả 1.000.000đồng tiền gốc; ngày 24-9-2018 trả 1.000.000đồng tiền gốc và ngày 28-11-2018 trả 5.000.000đồng tiền lãi. Vì vậy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Trần H trả cho Công ty T tổng số tiền là 23.728.200đồng, trong đó: Nợ gốc là 19.650.000đồng, nợ lãi là 4.078.200đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, đúng pháp luật và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 20161114-0000510 ngày 12-11-2016 được ký kết giữa anh Lê Trần H với Công ty T là loại hợp đồng vay tiền có lãi và có thời hạn. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay anh H chỉ mới thanh toán cho Công ty T được 03 lần với tổng số tiền là 17.000.000đồng, trong đó: Tiền gốc là 12.000.000đồng, tiền lãi là 5.000.000đồng. Việc anh H không thanh toán số tiền gốc và lãi còn lại cho Công ty T theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20161114-0000510 ngày 12-11-2016 là vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu anh Lê Trần H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại là: 23.728.200đồng (trong đó nợ gốc là: 19.650.000đồng, nợ lãi là 4.078.200đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty T không yêu cầu tính lãi phát sinh đối với số nợ 23.728.200đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Trần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 23.728.200đồng x 5% = 1.186.410đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 768.205đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các điều 144, 147, 186, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

2. Buộc anh Lê Trần H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 23.728.200đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là: 19.650.000đồng (mười chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Nợ lãi là 4.078.200đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

4. Về án phí:

Anh Lê Trần H phải chịu 1.186.410đồng (một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền 768.205đồng (bảy trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ năm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003541 ngày 13-8-2018.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong